UBND TỈNH QUẢNG NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XẾP GIẢI KỲ THI HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH LỚP 9 VÀ LỚP 12 NĂM HỌC 2019-2020
MÔN THI: NGỮ VĂN - LỚP 9

TT	Phòng	SBD	Trường	Họ và tên		GT	Lớp	Ngày sinh	Môn	Bảng	Điểm	Giải	Ghi chú
1	050	03.0927	THCS Trần Phú-ĐB	Thái Thị Hồng	Hải	Nữ	9/1	12/04/2005	Ngữ văn	A	14,000	Nhất	
2	116	07.2177	THCS Lê Quý Đôn-PN	Ngô Thị Cẩm	Ly	Nữ	9/2	17/06/2005	Ngữ văn	A	13,750	Nhất	
3	029	02.0506	THCS Lương Thế Vinh-DX	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	Nữ	9/1	30/07/2005	Ngữ văn	A	13,250	Nhì	
4	082	05.1533	THCS Phan Bội Châu-TB	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	Nữ	9/2	25/05/2005	Ngữ văn	A	13,250	Nhì	
5	116	07.2173	THCS Lê Quý Đôn-PN	Nguyễn Thị Hiền	Diệu	Nữ	9/2	26/05/2005	Ngữ văn	A	13,250	Nhì	
6	050	03.0928	THCS Nguyễn Duy Hiệu-HA	Lê Tuyết	Nhi	Nữ	9/5	01/11/2005	Ngữ văn	A	12,750	Nhì	
7	103	06.1969	THCS Lê Hồng Phong-TK	Lê Phan Bảo	Uyên	Nữ	9	06/10/2005	Ngữ văn	A	12,500	Nhì	
8	050	03.0925	THCS Kim Đồng-HA	Trần Khánh	Đan	Nữ	9/2	09/10/2005	Ngữ văn	A	12,250	Nhì	
9	029	02.0504	THCS Phù Đổng-DX	Lưu Thị	Hiếu	Nữ	9/3	14/12/2005	Ngữ văn	A	12,000	Nhì	
10	029	02.0508	THCS Nguyễn Trãi-ĐL	Trịnh Nguyễn Yến	Nhi	Nữ	9/5	23/11/2005	Ngữ văn	A	12,000	Nhì	
11	116	07.2179	THCS Nguyễn Văn Trỗi-PN	Nguyễn Thị Ánh	Ngân	Nữ	9/2	09/03/2005	Ngữ văn	A	12,000	Nhì	
12	082	05.1532	THCS Quang Trung-TB	Trần Thị Anh	Trúc	Nữ	9/2	05/03/2005	Ngữ văn	A	11,750	Ba	
13	116	07.2178	THCS Lê Quý Đôn-PN	Nguyễn Linh	Na	Nữ	9/1	15/01/2005	Ngữ văn	A	11,750	Ba	
14	050	03.0933	THCS Phan Bội Châu-HA	Đặng Thị Thanh	Vy	Nữ	9/4	06/03/2005	Ngữ văn	A	11,500	Ba	
15	103	06.1961	THCS Nguyễn Du-TK	Nguyễn Đoàn Thu	Giang	Nữ	9	15/11/2005	Ngữ văn	A	11,500	Ba	
16	103	06.1968	THCS Lê Hồng Phong-TK	Châu Mai	Thương	Nữ	9	11/04/2005	Ngữ văn	A	11,500	Ba	
17	029	02.0515	THCS Mỹ Hòa-ĐL	Võ Trương Yến	Vy	Nữ	9/6	12/12/2005	Ngữ văn	A	11,250	Ba	
18	050	03.0931	THCS Phan Thúc Duyện-ĐB	Trần Thị Kim	Tuyến	Nữ	9/1	12/05/2005	Ngữ văn	A	11,250	Ba	
19	082	05.1531	THCS Phan Bội Châu-TB	Nguyễn Thị Thuỳ	Trâm	Nữ	9/4	30/03/2005	Ngữ văn	A	11,250	Ba	
20	029	02.0511	THCS Lương Thế Vinh-DX	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	9/3	12/04/2005	Ngữ văn	A	11,000	Ba	
21	050	03.0923	THCS Lê Đình Dương-ĐB	Nguyễn Đình Thuận	Ái	Nữ	9/1	24/08/2005	Ngữ văn	A	11,000	Ba	
22	050	03.0926	THCS Huỳnh Thị Lựu-HA	Trần Thị Ngọc	Hà	Nữ	9/2	17/12/2005	Ngữ văn	A	10,750	Khuyến Khích	
23	050	03.0930	THCS Nguyễn Duy Hiệu-HA	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	9/2	25/04/2005	Ngữ văn	A	10,750	Khuyến Khích	
24	103	06.1963	THCS Huỳnh Thúc Kháng-NT	Võ Lê Minh	Khuê	Nữ	9/1	14/01/2005	Ngữ văn	A	10,750	Khuyến Khích	
25	050	03.0932	THCS Nguyễn Đình Chiểu-ĐB	Nguyễn Phương	Uyên	Nữ	9/2	09/05/2005	Ngữ văn	A	10,500	Khuyến Khích	
26	103	06.1966	THCS Phan Châu Trinh-NT	Lương Thị Như	Mỹ	Nữ	9/1	17/10/2005	Ngữ văn	A	10,500	Khuyến Khích	
27	029	02.0505	THCS Nguyễn Trãi-ĐL	Lê Phan Khánh	Linh	Nữ	9/5	16/06/2005	Ngữ văn	A	10,250	Khuyến Khích	

TT	Phong	SBD	Trường	Họ và tên		GT	Lớp	Ngày sinh	Môn	Bảng	Điểm	Giải	Ghi chú
28	029	02.0510	THCS Kim Đồng-DX	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	9/1	01/11/2005	Ngữ văn	A	10,250	Khuyến Khích	
29	082	05.1519	THCS Hoàng Hoa Thám-TB	Lê Thị	An	Nữ	9/1	07/02/2005	Ngữ văn	A	10,250	Khuyến Khích	
30	082	05.1530	THCS Phan Bội Châu-TB	Nguyễn Thị Nhật	Trâm	Nữ	9/4	23/07/2005	Ngữ văn	A	10,250	Khuyến Khích	
31	103	06.1958	THCS Nguyễn Du-TK	Bùi Bảo	Châu	Nữ	9	15/11/2005	Ngữ văn	A	10,250	Khuyến Khích	
32	029	02.0507	THCS Mỹ Hòa-ĐL	Huỳnh Nguyễn Bảo	Nhi	Nữ	9/6	02/10/2005	Ngữ văn	A	10,000	Khuyến Khích	
33	029	02.0509	THCS Trần Cao Vân-DX	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	Nữ	9/4	09/10/2005	Ngữ văn	A	10,000	Khuyến Khích	
34	050	03.0929	THCS Trần Phú-ĐB	Phan Minh Hoàng	Nhi	Nữ	9/1	24/10/2005	Ngữ văn	A	10,000	Khuyến Khích	
35	082	05.1523	THCS Nguyễn Duy Hiệu-NS	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	9	13/05/2005	Ngữ văn	A	10,000	Khuyến Khích	
36	103	06.1965	THCS Lý Thường Kiệt-NT	Giao Trần Cát	My	Nữ	9/5	04/02/2005	Ngữ văn	A	10,000	Khuyến Khích	
37	061	04.1101	THCS Lý Tự Trọng-PS	Bùi Thị Thu	Trang	Nữ	9/1	24/03/2005	Ngữ văn	B	13,000	Nhất	
38	061	04.1095	THCS Lý Tự Trọng-PS	Lê Hoàng	Đạt	Nam	9/1	27/02/2005	Ngữ văn	B	9,750	Nhì	
39	061	04.1094	THCS Lý Tự Trọng-PS	Nguyễn Tiểu Lin	Đa	Nữ	9/1	23/10/2005	Ngữ văn	B	9,500	Ba	
40	008	01.0090	PTDTBT THCS Trần Phú-ĐG	Pơ long Thị	Thị	Nữ	9	09/03/2005	Ngữ văn	B	7,250	Ba	
41	126	08.2286	PTDTNT Nam Trà My-NTM	Nguyễn Lưu	Giang	Nữ	9	25/08/2005	Ngữ văn	B	7,000	Khuyến Khích	
42	126	08.2287	THCS Nguyễn Du-BTM	Kiều Đinh Duy	Mạnh	Nam	9/3	20/11/2005	Ngữ văn	B	7,000	Khuyến Khích	
43	008	01.0091	PTDTNT THCS Nam Giang-NG	Ka Hiên Thị	Thiện	Nữ	9/2	21/09/2005	Ngữ văn	B	6,750	Khuyến Khích	
44	061	04.1102	THCS Lý Tự Trọng-PS	Lê Ngọc	Trâm	Nữ	9/2	22/09/2005	Ngữ văn	B	6,750	Khuyến Khích	
45	126	08.2289	PTDTBT THCS Trà Mai-NTM	Lê Đỗ Như	Quỳnh	Nữ	9	24/02/2005	Ngữ văn	B	6,750	Khuyến Khích	
46	008	01.0089	PTDTNT THCS Tây Giang-TG	Trần Thị Thanh	Thảo	Nữ	9	23/05/2005	Ngữ văn	B	6,250	Khuyến Khích	

Danh sách gồm: 46 học sinh đạt giải./.

Quảng Nam, ngày 19 tháng 6 năm 2020

GIÁM ĐỐC

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Hà Thanh Quốc